

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Địa chỉ: P201 - Tòa nhà TTC Lô B1 - Cụm TT CN và CN nhỏ - Duy Tân - Cầu Giấy - H.Nội

Điện thoại: 04 3 946 0313

Fax: 04 3 946 0313

MST . 0102 59 43 84

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 - Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 04 năm 2012

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Địa chỉ: P201 - Tòa nhà TTC Lô B1 - Cụm TT CN và CN nhỏ - Duy Tân - Cầu Giấy - H.Nội

Điện thoại: 04 3 946 0313

Fax: 04 3 946 0313

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 6
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2011	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011	10 - 23

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng được thành lập theo Giấy phép số 24/UBCK - GP do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007, điều chỉnh lần 2 số 45/UBCK - GP cấp ngày 08/06/2009, điều chỉnh lần 3 theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK cấp ngày 15/09/2011. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ đồng).

Trong đó:

Các cổ đông	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty CP tư vấn đầu tư xuất khẩu xây dựng Việt Nam	1.400.000.000	5%
Ông Thang Văn Lương	9.800.000.000	35%
Ông Nguyễn Đình Đại	1.420.000.000	5,07%
Các cổ đông khác	15.380.000.000	54,93%
Cộng	28.000.000.000	100%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại: Phòng 201 tầng 2 - Tòa nhà TTC Lô B1 - Cụm tiểu thủ CN và CN nhỏ - Phố Duy Tân - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

- 1 Ông: Thang Văn Lương Chủ tịch HĐQT
- 2 Ông: Nguyễn Đình Đại Ủy viên
- 3 Ông: Nguyễn Nam Trung Ủy viên

Ban Giám đốc:

- 1 Ông Nguyễn Nam Trung Tổng Giám đốc
- 2 Bà Dương Thùy Minh Kế toán trưởng

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Báo cáo tài chính năm 2011 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

ĐẠI DIỆN:

Công ty Cổ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Nam Trung

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CC
CC
JAI
TU
HI
/k
//
11-11-09 14:21/01



Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2012

Số: 80 /CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng*

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012 và phù hợp với các Chính sách kế toán nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Trong năm 2011, Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng đã đặt cọc cho Công ty CP TD Đầu tư và Thương mại Thăng Long, là bên có liên quan tiền đặt cọc để mua lại cổ phần của Công ty CP Xây dựng và Thương mại VT theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 14 tháng 12 năm 2011. Đến thời điểm 31/12/2011, khoản đặt cọc vẫn còn hiệu lực, chưa được thu hồi.

Khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm 31/12/2011 số tiền 1.865.600.000 đồng là khoản đầu tư vào Công ty CP SX Thép Mitsubvina, là bên có liên quan của Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng.

Giao dịch khác với các bên liên quan phát sinh trong năm:

Đối tượng	Nội dung	Số tiền	Số đã thu hồi	Số dư cuối năm
Công ty CP Bộ Ba	Đặt cọc mua CP	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP ĐT và TM Thăng Long	Góp vốn dự án	6.000.000.000	6.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại VT	Góp vốn dự án	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty CP ĐT và TM Thăng Long	Cho vay	1.040.000.000	1.040.000.000	-
Công ty CP ĐT và TM Thăng Long	Chi hộ tiền sửa xe	93.344.779	93.344.779	-
Cộng		20.133.344.779	20.133.344.779	-

Như vậy, các giao dịch trên của Công ty chưa phù hợp với quy định về hoạt động nghiệp vụ đối với Công ty quản lý quỹ đầu tư.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng đã:

- Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		16.223.880.081	20.999.189.644
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	656.063.801	1.051.708.939
1. Tiền mặt tại quỹ	111		645.294.967	812.016.898
2. Tiền gửi ngân hàng	112		10.768.834	239.692.041
II. Đầu tư ngắn hạn	120		-	7.103.545.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	-	497.945.800
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122	V.2.3	-	6.605.600.000
III. Các khoản phải thu	130		15.564.709.705	12.843.934.905
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3.1	15.000.000.000	-
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132	V.3.2	560.719.705	272.166.666
3. Phải thu khác	134	V.3.3	3.990.000	12.571.768.239
IV. Tài sản lưu động khác	150		3.106.575	-
1. Tài sản lưu động khác	152		3.106.575	-
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		2.270.522.337	954.014.856
I. Tài sản cố định	210		311.821.240	456.961.187
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V.4.1	311.821.240	439.070.368
- Nguyên giá	212		964.534.531	964.534.531
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	213		(652.713.291)	(525.464.163)
2. Tài sản cố định vô hình	217	V.4.2	-	17.890.819
- Nguyên giá	218		397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	219		(397.464.302)	(379.573.483)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230		1.865.600.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	232	V.5	1.865.600.000	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260	V.6	93.101.097	497.053.669
1. Chi phí trả trước	261		-	403.952.572
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262		93.101.097	93.101.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.494.402.418	21.953.204.500

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.383.549.562	3.324.251.365
I. Nợ ngắn hạn	310	V.7	1.383.549.562	3.324.251.365
1. Vay ngắn hạn	311	V.7.1	949.619.268	3.271.041.015
2. Phải trả người bán	312	V.7.2	277.712.138	30.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7.3	16.717.256	23.210.350
4. Phải trả công nhân viên	314		139.500.900	-
II. Nợ dài hạn	340		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.110.852.856	18.628.953.135
I. Nguồn vốn	410	V.8	17.110.852.856	18.628.953.135
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		28.000.000.000	28.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(10.889.147.144)	(9.371.046.865)
II. Quỹ	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		18.494.402.418	21.953.204.500

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Dương Thùy Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	V.9	2.076.104.434	1.483.916.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (01 - 02)	10		2.076.104.434	1.483.916.670
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.10	332.472.278	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (10 - 11)	12		1.743.632.156	1.483.916.670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	V.11	822.895	3.256.071.794
7. Chi phí tài chính	14	V.12	142.080.400	861.258
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	V.13	3.065.930.005	3.726.462.535
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (12 + 13 - 14 - 15)	16		(1.463.555.354)	1.012.664.671
10. Thu nhập khác	17	V.14	45.455.075	485.220.239
11. Chi phí khác	18	V.15	100.000.000	309.778.231
12. Lợi nhuận khác (17 - 18)	19		(54.544.925)	175.442.008
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (16 + 19)	20		(1.518.100.279)	1.188.106.679
14. Thuế TNDN phải nộp	21		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (20 - 21)	22		(1.518.100.279)	1.188.106.679

Kế toán trưởng



Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		1.796.144.166	1.203.066.004
2. Nhận tiền và trả tiền ký quỹ, ký cược của khách hàng	04		-	-
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		5.190.863.102	726.171.820
4. Tiền trả cho người cung cấp	06		(657.365.498)	(1.526.825.097)
5. Tiền chi trả lãi vay	07		-	-
6. Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08		(261.733.127)	(338.474.486)
7. Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(1.381.162.463)	(1.471.091.700)
8. Tiền chi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ	10			
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(468.479.113)	(5.339.571.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.218.267.067	(6.746.725.276)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ	31		-	-
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	32		1.729.416.000	175.000.000
3. Tiền đầu tư chứng khoán	33		-	(5.141.306.200)
4. Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34		8.655.865.400	8.439.217.497
5. Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35		(6.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	36		6.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		822.895	39.750.878
8. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38		14.040.000.000	6.684.902.890
9. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39		(29.040.016.500)	(4.855.646.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(4.613.912.205)	5.341.918.737
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	41		-	6.000.000.000
2. Tiền chi trả V góp cho CSH, mua lại CP	42		-	(6.000.000.000)
3. Tiền đi vay	43		-	4.995.600.000
4. Tiền trả nợ vay	44		-	(3.000.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47		-	712.057.553
6. Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48		-	(710.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		-	1.997.657.553
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (30 + 40 + 50)	60		(395.645.138)	592.851.014
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	70		1.051.708.939	458.857.925
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (60 + 70 +/- 80)	90		656.063.801	1.051.708.939

Kế toán trưởng

Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Nam Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng được thành lập theo Giấy phép số 24/UBCK - GP do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007, điều chỉnh lần 2 số 45/UBCK - GP cấp ngày 08/06/2009, điều chỉnh lần 3 theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK cấp ngày 15/09/2011. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: 28.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng chẵn).

Trong đó:

Các cổ đông	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty CP tư vấn đầu tư xuất khẩu xây dựng Việt Nam	1.400.000.000	5%
Ông Thang Văn Lương	9.800.000.000	35%
Ông Nguyễn Đình Đại	1.420.000.000	5,07%
Các cổ đông khác	15.380.000.000	54,93%
Cộng	28.000.000.000	100%

Công ty có trụ sở tại: Phòng 201 tầng 2 - Tòa nhà TTC Lô B1 - Cụm tiểu thủ CN và CN nhỏ - Phố Duy Tân - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh:**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- * Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty đầu tư chứng khoán;
- * Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005 QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ở các Ngân hàng, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, các khoản tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm Báo cáo.

1.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán

- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp
- * Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính):

- Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo Nguyên giá. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được xác định theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được ghi nhận theo giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phải phân bổ nhiều năm;
 - Tiền thuê cơ sở hạ tầng đã trả trước cho nhiều năm và phục vụ cho kinh doanh nhiều kỳ nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng;
 - Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định;
 - Các khoản khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

8.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

8.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

10.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- * Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng: Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư do Công ty cung cấp không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT. Công ty kê khai, nộp thuế GTGT đối với hoạt động khác: tư vấn, bán thanh lý tài sản cố định.
- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty chưa phát sinh nghiệp vụ này.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo tài chính (Đơn vị tính: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Tiền mặt	812.016.898	35.396.571.102	35.563.293.033	645.294.967
Tiền gửi ngân hàng	239.692.041	4.061.515.461	4.290.438.668	10.768.834
Cộng	1.051.708.939	39.458.086.563	39.853.731.701	656.063.801

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

2. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư**2.1 Tình hình đầu tư chứng khoán**

Chỉ tiêu	Mua		Bán		Giá trị tồn cuối kỳ
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
1. Chứng khoán kinh doanh					
<i>Cổ phiếu</i>	22.000	497.945.800	22.000	355.865.400	-
Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	22.000	497.945.800	22.000	355.865.400	-
<i>Trái phiếu</i>	-	-	-	-	-
<i>Chứng khoán khác</i>	-	-	-	-	-
2. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán					
3. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn					

2.2 Tình hình cổ phiếu quỹ (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)**2.3 Đầu tư khác**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công ty CP SX Thép Mitsubina	1.865.600.000	-	1.865.600.000	-
Công ty CP ĐT và TM Thăng Long	740.000.000	-	740.000.000	-
Dự án Tincom Pháp Vân		6.000.000.000	6.000.000.000	-
Công ty CP ĐT và QL TS Thế Hệ Mới	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Cộng	6.605.600.000	6.000.000.000	12.605.600.000	-

3. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1 Phải thu khách hàng	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	15.000.000.000	-
3.2 Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	560.719.705	272.166.666
Phải thu từ Ocean bank	213.334.604	271.944.444
Phải thu từ Công ty CP SX Thép Mitsubina	-	222.222
Phải thu từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	347.385.101	-
3.3 Phải thu khác	3.990.000	12.571.768.239
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	-	1.611.421.747
Công ty Thành An	-	1.729.415.525
Nguyễn Thị Sáu	-	2.000.000.000
Phải thu khác	3.990.000	905.727.085
Công ty TNHH TVL Việt Nam	-	6.300.000.000
Ocean Bank	-	25.203.882
Cộng	15.564.709.705	12.843.934.905

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình
 4.1 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)
 4.2 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Phụ lục 02)
 5. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP SX Thép Mitsovina	1.865.600.000	-
Cộng	1.865.600.000	-

6. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	-	403.952.572
Đặt cọc tiền thuê nhà	93.101.097	93.101.097
Cộng	93.101.097	497.053.669

7. Tình hình nợ phải trả (Phụ lục 03)

7.1. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	206.749.568	2.528.171.315
Nguyễn Duy Dương	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Đình Đại	300.000.000	300.000.000
Thang Văn Lương	112.869.700	112.869.700
Công ty TNHH TVL Việt Nam	130.000.000	130.000.000
Cộng	949.619.268	3.271.041.015

7.2. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Thành	277.712.138	-
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	-	30.000.000
Cộng	277.712.138	30.000.000

7.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (Phụ lục 04)

8. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguồn vốn	18.628.953.135	-	1.518.100.279	17.110.852.856
Vốn kinh doanh	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Lợi nhuận tích lũy	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Nguồn vốn khác	-	-	-	-
Quỹ dự trữ	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(9.371.046.865)	-	1.518.100.279	(10.889.147.144)
II. Quỹ	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Tổng cộng	18.628.953.135	-	1.518.100.279	17.110.852.856

9. Chi tiết các khoản doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ phí quản lý	2.076.104.434	1.483.916.670
Doanh thu từ phí tư vấn	-	-
Doanh thu từ phí phát hành	-	-
Doanh thu khác	45.455.075	485.220.239

10. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Phí lưu ký phải trả BIDV Hà Thành	332.472.278	-
Cộng	332.472.278	-

11. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	822.895	7.013.177
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	41.500.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	3.207.558.617
Cộng	822.895	3.256.071.794

12. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ kinh doanh chứng khoán	142.080.400	-
Chi phí tài chính khác	-	861.258
Cộng	142.080.400	861.258

13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.776.173.946	1.555.106.145
Văn phòng phẩm	16.344.332	56.859.853
Khấu hao tài sản cố định	145.139.947	329.271.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	651.754.382	472.984.553
Chi phí khác bằng tiền	476.517.398	1.312.240.873
Cộng	3.065.930.005	3.726.462.535

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

14. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Phí dịch vụ tư vấn	45.454.600	-
Thu nhập khác	475	485.220.239
Cộng	45.455.075	485.220.239

15. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt	100.000.000	-
Chi phí khác	-	309.778.231
Cộng	100.000.000	309.778.231

16. Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh:

- Số lượng quỹ lập trong năm:

Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2011/HĐĐT/QLQVCMC-LVB ngày 04 tháng 07 năm 2011 giữa Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng với Ngân hàng TM CP Liên Việt về việc ủy thác mua bán trái phiếu. Vốn ủy thác ban đầu là 1.466.789.459.724 đồng. Tuy nhiên, Trái Phiếu Công ty TNHH Bất động sản Việt Phú An, Trái phiếu của Sacomreal Hùng Vương, Trái phiếu của Sacomreal Phú Mỹ) đang làm thủ tục chuyển nhượng, ngân hàng lưu ký chưa nhận được sổ gốc trái phiếu.

- Số lượng quỹ đóng trong năm:

Hợp đồng quản lý đầu tư số 02/2010/UTĐT/VCMC-MSVN ngày 27 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng với Công ty CP SX Thép Mitsuvina về việc ủy thác quản lý đầu tư. Vốn ủy thác là 100.000.000.000 đồng.

Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2011/HĐĐT/QLQVCMC-LVB ngày 04 tháng 07 năm 2011 giữa Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng với Ngân hàng TM CP Liên Việt về việc ủy thác mua bán trái phiếu. Vốn ủy thác ban đầu là 1.466.789.459.724 đồng.

Hợp đồng quản lý đầu tư số 04/2009/UTĐT/VCMC-OJB ngày 06 tháng 07 năm 2009 giữa Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng với Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc ủy thác quản lý đầu tư. Vốn ủy thác là 100.000.000.000 đồng.

- Phí thu được trong năm: 2.076.104.434 đồng

Trong đó: Phí quản lý quỹ: 2.076.104.434 đồng

17. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định/Tổng tài sản	1,69%	2,08%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	87,72%	95,65%
2. Tỷ suất sinh lời		
	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu và thu nhập khác	-71,53%	22,74%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	-8,87%	6,38%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

3. Tình hình tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	7,48%	15,14%
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	47,42%	245,33%
Tỷ lệ đầu tư tài sản/Vốn chủ sở hữu	1,82%	2,45%

VI. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

2. Thông tin về các bên liên quan

Đối tượng	Dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư cuối năm
- Đầu tư ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	740.000.000	-	740.000.000	-
Công ty CP ĐT và QL TS Thế Hệ Mới	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty CP SX Thép Mitsuvina	1.865.600.000	-	1.865.600.000	-
- Đầu tư dài hạn khác				
Công ty CP SX Thép Mitsuvina	-	1.865.600.000	-	1.865.600.000
- Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ				
Công ty CP SX Thép Mitsuvina	222.222	944.444	1.166.666	-
- Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	-	21.000.000.000	6.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Bộ Ba	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP XD và TM VT	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
- Phải thu khác				
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	1.611.421.747	1.133.344.779	2.744.766.526	-
Công ty TNHH TVL Việt Nam	6.300.000.000	-	6.300.000.000	-
Công ty CP Xi măng Thanh Sơn	-	50.000.000	50.000.000	-
- Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	2.528.171.315	-	2.321.421.747	206.749.568
Nguyễn Duy Dương	200.000.000	-	-	200.000.000
Nguyễn Đình Đại	300.000.000	-	-	300.000.000
Thang Văn Lương	112.869.700	-	-	112.869.700
Công ty TNHH TVL Việt Nam	130.000.000	-	-	130.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán

Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	30.000.000	-	30.000.000	-
--	------------	---	------------	---

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Kế toán trưởng

Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Tổng giám đốc



Nguyễn Nam Trung

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Cho năm tài chính

Địa chỉ: P201 - Tòa nhà TTC Lo B1 - Cụm TT CN và CN nhỏ - Duy Tân - Cầu Giấy - H.Nội

Kết thúc ngày 31/12/2011

Điện thoại: 04 3 946 0313 Fax: 04 3 946 0313

Phụ lục 01

4.1. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	-	216.163.531	748.371.000	-	964.534.531
Tăng trong năm	-	-	-	216.163.531	216.163.531
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	216.163.531	216.163.531
Giảm trong năm	-	216.163.531	-	-	216.163.531
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	216.163.531	-	-	216.163.531
Số dư cuối năm	-	-	748.371.000	216.163.531	964.534.531
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	213.642.907	311.821.256	-	525.464.163
Tăng trong năm	-	2.520.624	124.728.504	216.163.531	343.412.659
- Khấu hao trong năm	-	2.520.624	124.728.504	-	127.249.128
- Tăng khác	-	-	-	216.163.531	216.163.531
Giảm trong năm	-	216.163.531	-	-	216.163.531
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	216.163.531	-	-	216.163.531
Số dư cuối năm	-	-	436.549.760	216.163.531	652.713.291
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	2.520.624	436.549.744	-	439.070.368
- Tại ngày cuối năm	-	-	311.821.240	-	311.821.240

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



Phụ lục 02
Đơn vị tính: đồng

4.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Nguyên giá	Chi tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
1. Số dư đầu năm		397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong năm		-	-
- Mua trong năm		-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		-	-
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		397.464.302	397.464.302
Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		379.573.483	379.573.483
2. Số tăng trong năm		17.890.819	17.890.819
- Khấu hao trong năm		17.890.819	17.890.819
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		397.464.302	397.464.302
Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm		17.890.819	17.890.819
2. Tại ngày cuối năm		-	-

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Cho năm tài chính

Địa chỉ: P201 - Tòa nhà TTC Lô B1 - Cụm TT CN và CN nhỏ - Dục Tân - Cầu Giấy - H.Nội

Kết thúc ngày 31/12/2011

Điện thoại: 04 3 946 0313 Fax: 04 3 946 0313

Phụ lục 03

Đơn vị tính: đồng

7. Tình hình tăng giảm nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Tổng số tiền tranh chấp, mất khả năng thanh toán
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
I. Nợ ngắn hạn	3.324.251.365	-	2.628.619.246	4.569.321.049	1.383.549.562	-	-
Vay ngắn hạn	3.271.041.015	-	30.000.000	2.351.421.747	949.619.268	-	-
Phải trả cho người bán	30.000.000	-	808.244.167	560.532.029	277.712.138	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.210.350	-	161.559.260	168.052.354	16.717.256	-	-
Phải trả nhân viên	-	-	1.505.378.819	1.365.877.919	139.500.900	-	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác	-	-	123.437.000	123.437.000	-	-	-
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả người ủy thác đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	3.324.251.365	-	2.628.619.246	4.569.321.049	1.383.549.562	-	-

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục 04

Đơn vị tính: đồng

7.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối năm
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16)	10	23.210.350	140.140.583	146.633.677	163.350.933	146.633.677	16.717.256
1. Thuế tiêu thụ đặc biệt	11	-	-	-	-	-	-
2. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	12	-	-	-	-	-	-
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-	-	-	-	-
4. Thuế nhà đất	14	-	-	-	-	-	-
5. Tiền thuế đất	15	-	-	-	-	-	-
6. Các loại thuế khác	16	23.210.350	140.140.583	146.633.677	163.350.933	146.633.677	16.717.256
II. Các khoản phải nộp khác (20 = 21 + 22)	20	-	-	-	-	-	-
1. Các khoản phí, lệ phí	21	-	-	-	-	-	-
2. Các khoản phải nộp khác	22	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng (30 = 10 + 20)	30	23.210.350	140.140.583	146.633.677	163.350.933	146.633.677	16.717.256